

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 365/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số nhà 06/72 T, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Trần Duy H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh T

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27/01/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Duy H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Duy H tự nguyện thuận tình

ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Duy H , sinh ngày 24/11/2019 và cháu Trần Duy Đ , sinh ngày 24/11/2019.

Hai anh chị thống nhất thỏa thuận:

Chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Trần Duy H , sinh ngày 24/11/2019 và cháu Trần Duy Đ , sinh ngày 24/11/2019. Anh Trần Duy H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng, cả hai cháu là 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Hoàng và cháu Đạt thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Trần Duy H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị T chịu án phí DSST là 150.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2021/0014538 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Nguyễn Thị T được nhận lại 150.000đ. Anh Trần Duy H chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P.kiểm tra nghiệp vụ và THA TAND tỉnh T;
- Đương sự;
- UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh T
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng